

Số: /2025/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương

Căn cứ khoản 5 Điều 15 Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Công Thương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị trong ngành Công Thương.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3: Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương.

2. Việc áp dụng các quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu dùng để xác định thời hạn lưu trữ cho các hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương;

b) Mức xác định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu không được thấp hơn mức thời hạn lưu trữ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức chưa được quy định tại Thông tư này, cơ quan, tổ chức áp dụng thời hạn lưu trữ tương đương với nhóm hồ sơ, tài liệu tương ứng có trong Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan để xác định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành Công Thương và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, VP (b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

THỜI HẠN LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU

NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BCT

ngàytháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ	Ghi chú
	I. Nhóm hồ sơ, tài liệu quản lý chung ngành Công Thương		
1.	Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định về quản lý nhà nước các lĩnh vực ngành Công Thương (văn bản quy phạm pháp luật)	Vĩnh viễn	
2.	Hồ sơ thẩm định xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Vĩnh viễn	
3.	Hồ sơ xây dựng, ban hành chiến lược, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình phát triển dài hạn và trung hạn các lĩnh vực ngành Công Thương	Vĩnh viễn	
4.	Hồ sơ xây dựng, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dự toán xây dựng chuyên ngành	Đến khi văn bản hết hiệu lực thi hành hoặc được thay thế bằng văn bản khác	
5.	Hồ sơ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về hoạt động công nghiệp và xuất nhập khẩu	Vĩnh viễn	
6.	Hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh: quy hoạch; kế hoạch quy hoạch phát triển đề án, dự án các lĩnh vực ngành Công Thương	Vĩnh viễn	
7.	Hồ sơ phê duyệt danh mục quản lý hoạt động các lĩnh vực ngành Công Thương	20 năm	
8.	Hồ sơ phê duyệt đề án, dự án, chương trình các lĩnh vực ngành Công Thương	Vĩnh viễn	

9.	Hồ sơ thẩm định phê duyệt phương án, dự án, chương trình các lĩnh vực ngành Công Thương	Vĩnh viễn	
10.	Hồ sơ mời thầu, đấu thầu, hồ sơ dự thầu, trúng thầu các dự án	Vĩnh viễn	
11.	Hồ sơ quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình	Vĩnh viễn	
12.	Hồ sơ nghiệm thu dự án đầu tư (tờ trình, thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu) các dự án	20 năm	
13.	Hồ sơ chương trình đàm phán, ký kết gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế	Vĩnh viễn	
14.	Hồ sơ hướng dẫn tổ chức thực hiện kiểm tra quy định, chiến lược, chính sách, phương án, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển các lĩnh vực ngành Công Thương	20 năm	
15.	Hồ sơ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đã được cấp Giấy xác nhận	20 năm	
16.	Hồ sơ triển khai, thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra nhiệm vụ, dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật	20 năm	
17.	Báo cáo điều tra, khảo sát, đánh giá các lĩnh vực ngành Công Thương		
	- Tổng hợp	Vĩnh viễn	
	- Cơ sở	10 năm	
	- Phiếu điều tra	5 năm	
18.	Báo cáo tổng hợp về hoạt động các lĩnh vực ngành Công Thương		
	- Hàng năm	Vĩnh viễn	
	- 6 tháng, 9 tháng	10 năm	
	- Chuyên đề tháng, quý	5 năm	
19.	Hồ sơ trả lời chất vấn đại biểu Quốc hội các lĩnh vực ngành Công Thương	10 năm	
20.	Hồ sơ xây dựng và ban hành tài liệu, sổ tay hướng dẫn các lĩnh vực ngành Công Thương	20 năm	

21.	Hồ sơ cấp phép thành lập sở giao dịch hàng hóa	Vĩnh viễn	
22.	Hồ sơ cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy phép trong các lĩnh vực ngành Công Thương	05-20 năm tùy từng loại giấy phép	
23.	Hồ sơ cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy chứng nhận các lĩnh vực ngành Công Thương	10-20 năm tùy từng loại giấy chứng nhận	
II. Nhóm hồ sơ, tài liệu quản lý các lĩnh vực ngành Công Thương			
1. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực năng lượng			
24.	Báo cáo thống kê tổng hợp tình hình sản xuất và thực hiện dự án đầu tư lĩnh vực điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và năng lượng khác		
	- Của cơ quan	20 năm	
	- Của đơn vị thuộc và trực thuộc	5 năm	
25.	Hồ sơ đàm phán để ký kết các văn kiện trong lĩnh vực điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và năng lượng khác	Vĩnh viễn	
26.	Hồ sơ quản lý hoạt động trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (A0)	Vĩnh viễn	
27.	Hồ sơ tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch điện		
	- Của cơ quan	20 năm	
	- Của đơn vị thuộc và trực thuộc	5 năm	
28.	Hồ sơ hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện	20 năm	
29.	Hồ sơ phê duyệt nội dung hợp đồng dầu khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Vĩnh viễn	
30.	Hồ sơ phê duyệt điều chỉnh nội dung hợp đồng dầu khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh	Vĩnh viễn	

31.	Hồ sơ phê duyệt chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh	Vĩnh viễn	
32.	Hồ sơ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng dầu khí/kết quả lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng dầu khí	Vĩnh viễn	
33.	Hồ sơ chấp thuận gia hạn thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí	Vĩnh viễn	
34.	Hồ sơ chấp thuận gia hạn thời hạn của hợp đồng dầu khí giữ lại diện tích phát hiện khí	Vĩnh viễn	
35.	Hồ sơ chấp thuận tạm dừng thực hiện một số quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng dầu khí	Vĩnh viễn	
36.	Hồ sơ chấp thuận giữ lại hoặc tạm hoãn nghĩa vụ hoàn trả diện tích hợp đồng dầu khí	Vĩnh viễn	
37.	Hồ sơ phê duyệt đề cương chi tiết và dự toán chi phí đề án điều tra cơ bản về dầu khí	Vĩnh viễn	
38.	Hồ sơ phê duyệt kết quả thực hiện đề án điều tra cơ bản về dầu khí	Vĩnh viễn	
39.	Hồ sơ phê duyệt danh mục các lô, mỏ dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt	Vĩnh viễn	
40.	Hồ sơ phê duyệt cơ chế điều hành khai thác tận thu mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí	Vĩnh viễn	
41.	Hồ sơ phê duyệt mở rộng diện tích hợp đồng dầu khí, hợp nhất phát hiện dầu khí, mỏ dầu khí	Vĩnh viễn	
42.	Hồ sơ phê duyệt thực hiện quyền tham gia, quyền ưu tiên mua trước quyền lợi tham gia, tiếp nhận quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí	Vĩnh viễn	
43.	Hồ sơ phê duyệt kế hoạch xử lý tiếp theo đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khi hợp đồng dầu khí hết thời hạn	Vĩnh viễn	
44.	Hồ sơ chấp thuận dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển	Vĩnh viễn	

45.	Hồ sơ phê duyệt báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí, báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí cập nhật	Vĩnh viễn	
46.	Hồ sơ phê duyệt kế hoạch đại cương phát triển mỏ dầu khí/kế hoạch khai thác sớm mỏ dầu khí/kế hoạch phát triển mỏ dầu khí	Vĩnh viễn	
47.	Hồ sơ quản lý đốt bỏ khí đồng hành	Vĩnh viễn	
48.	Hồ sơ hoạt động sản xuất, kinh doanh và phân phối dầu khí	20 năm	
49.	Hồ sơ về đầu tư xây dựng các dự án năng lượng mới	Vĩnh viễn	
50.	Hồ sơ tổ chức thực hiện vận hành thị trường điện lực cạnh tranh và tổ chức thực hiện	20 năm	
51.	Hồ sơ chỉ đạo xây dựng kế hoạch cung cấp điện, kiểm tra và giám sát tình hình cung cấp điện	20 năm	
52.	Hồ sơ kiểm tra và giám sát tình hình cung cấp điện	20 năm	
53.	Hồ sơ vận hành hệ thống điện đảm bảo cân bằng cung cầu điện	20 năm	
54.	Hồ sơ nghiên cứu, đề xuất và quản lý các giải pháp cân bằng cung cầu điện	20 năm	
55.	Hồ sơ hướng dẫn điều kiện, trình tự ngừng cấp điện, cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện	20 năm	
56.	Hồ sơ hướng dẫn điều kiện, trình tự đấu nối vào hệ thống điện quốc gia	20 năm	
57.	Hồ sơ về danh mục các nhà máy điện, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh	Vĩnh viễn	
58.	Hồ sơ chương trình phát triển lưới điện thông minh	20 năm	
59.	Hồ sơ chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện	20 năm	
60.	Hồ sơ thực hiện cơ chế, chính sách giá điện	20 năm	
61.	Hồ sơ hoạt động chỉ huy điều hành hệ thống sản xuất, truyền tải, phân phối và phân bổ điện năng trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện	20 năm	

62.	Hồ sơ xây dựng ban hành khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện		
	- Chủ trì	20 năm	
	- Phối hợp	10 năm	
63.	Hồ sơ xây dựng, ban hành phương pháp lập khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực		
	- Chủ trì	20 năm	
	- Phối hợp	10 năm	
64.	Hồ sơ phê duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực	20 năm	
65.	Hồ sơ nghiệm thu dự án đầu tư (tờ trình, thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu) các công trình thủy điện theo thẩm quyền	20 năm	
66.	Hồ sơ thẩm định thiết kế, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy điện (tờ trình thẩm định, thông báo kết quả thẩm định) theo thẩm quyền	20 năm	
67.	Hồ sơ quản lý, tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình điện	20 năm	
68.	Hồ sơ mời thầu, đấu thầu, hồ sơ dự thầu, trúng thầu dự án điện	20 năm	
69.	Hồ sơ về việc chuyển, trả đơn thư khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết lĩnh vực điện	5 năm	
70.	Hồ sơ về việc rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật điện	20 năm	
71.	Hồ sơ phê duyệt khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện	20 năm	
72.	Hồ sơ kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng mua bán điện có thời gian	20 năm	

73.	Hồ sơ kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực điện lực	20 năm	
74.	Hồ sơ giải quyết tranh chấp trên thị trường điện lực	20 năm	
75.	Hồ sơ cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	20 năm	
76.	Hồ sơ phê duyệt chủ trương mua bán điện với nước ngoài	20 năm	
2. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp			
77.	Hồ sơ quản lý hóa chất sử dụng trong các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng	Vĩnh viễn	
78.	Hồ sơ quản lý hoạt động nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thực hiện	20 năm	
79.	Hồ sơ xây dựng quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia ngành hoá chất	20 năm	
80.	Hồ sơ cho phép sản xuất, xuất nhập khẩu, sử dụng hoá chất cấm cho các mục đích đặc biệt theo quy định	20 năm	
81.	Hồ sơ quản lý khai báo hoá chất; thông tin an toàn hoá chất; đăng ký hoá chất mới	20 năm	
82.	Hồ sơ quản lý hóa chất sử dụng trong các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng	Vĩnh viễn	
83.	Hồ sơ cho phép sản xuất, xuất nhập khẩu, sử dụng hoá chất cấm cho các mục đích đặc biệt theo quy định	20 năm	
84.	Hồ sơ thẩm định phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất		
	- Chủ trì	20 năm	

	- Phối hợp	10 năm	
	3. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực công nghiệp		
85.	Hồ sơ các dự án đầu tư, báo cáo tiền khả thi, thiết kế và tổng dự toán các công trình	20 năm	
86.	Hồ sơ các công trình thuộc lĩnh vực công nghiệp		
	- Trong nước đầu tư	20 năm	
	- Nước ngoài đầu tư	Vĩnh viễn	
87.	Hồ sơ các công trình liên doanh với nước ngoài	Vĩnh viễn	
88.	Hồ sơ các dự án tiền khả thi và khả thi thuộc lĩnh vực công nghiệp	20 năm	
89.	Hồ sơ chế biến chế tạo (cơ khí chế tạo sản xuất lắp ráp ô tô, ngành điện-điện tử)	20 năm	
90.	Hồ sơ quản lý và phát triển khoáng sản luyện kim	20 năm	
91.	Hồ sơ quản lý và phát triển công nghiệp hỗ trợ	20 năm	
92.	Hồ sơ quản lý và phát triển công nghiệp thực phẩm; công nghiệp tiêu dùng	20 năm	
93.	Hồ sơ nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá	20 năm	
94.	Hồ sơ thông báo chỉ tiêu nhập khẩu thuốc lá giấy	10 năm	
95.	Hồ sơ chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	10 năm	
96.	Hồ sơ chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	10 năm	
97.	Hồ sơ kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý		
	- Chủ trì	Vĩnh viễn	
	- Phối hợp	10 năm	

98.	Hồ sơ chỉ định, chỉ định lại cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu	10 năm	
99.	Hồ sơ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu	10 năm	
100.	Hồ sơ chỉ định, chỉ định lại, chỉ định bổ sung chỉ tiêu đối với cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	10 năm	
101.	Hồ sơ kiểm nghiệm/kiểm chứng thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	10 năm	
102.	Hồ sơ chỉ định, chỉ định lại, chỉ định bổ sung chỉ tiêu đối với Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thực phẩm	10 năm	
103.	Hồ sơ quản lý lĩnh vực khuyến công, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	Vĩnh viễn	
104.	Hồ sơ phối hợp xúc tiến đầu tư phát triển hoạt động khuyến công, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tiểu thủ công nghiệp	10 năm	
4. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực an toàn kỹ thuật công nghiệp và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu			
105.	Hồ sơ xây dựng, cập nhật và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường ngành Công Thương	50 năm	
106.	Hồ sơ hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm: Ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.	Vĩnh viễn	
107.	Hồ sơ xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành, lĩnh vực và cơ sở; Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, ngành; Xây dựng báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực, ngành do Bộ Công Thương quản lý	20 năm	

108.	Hồ sơ xây dựng, cập nhật và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Công Thương; xây dựng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương và công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	20 năm	
109.	Hồ sơ truyền thông, tập huấn, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu; thông tin về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát thải khí nhà kính thấp, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu	20 năm	
110.	Hồ sơ xây dựng, cập nhật và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Công Thương;	20 năm	
111.	Hồ sơ hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có) và các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt	20 năm	
112.	Hồ sơ thẩm định giải pháp an toàn của các dự án đầu tư lĩnh vực Công Thương	20 năm	
113.	Hồ sơ sát hạch và cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên lĩnh vực Công Thương	20 năm	
114.	Hồ sơ thẩm định, chấp thuận Chương trình quản lý an toàn; Báo cáo đánh giá rủi ro; Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp	20 năm	
115.	Hồ sơ kiểm tra xác định nguyên nhân gây sự cố, tai nạn lao động có liên quan tới an toàn		
	- Nghiêm trọng	Vĩnh viễn	
	- Không nghiêm trọng	20 năm	

116.	Hồ sơ quản lý hoạt động kỹ thuật an toàn đập, hồ chứa thủy điện	Vĩnh viễn	
117.	Hồ sơ quản lý, thống kê, báo cáo, theo dõi tai nạn điện, hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp		
	- Chủ trì	20 năm	
	- Phối hợp	10 năm	
118.	Hồ sơ thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện	20 năm	
119.	Hồ sơ thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền	20 năm	
120.	Hồ sơ chỉ đạo rà soát, điều chỉnh nhiệm vụ các hồ chứa thuộc thẩm quyền quản lý	20 năm	
121.	Hồ sơ điều tra, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa thủy điện; hồ chứa quặng đuôi	Vĩnh viễn	
122.	Hồ sơ quản lý hoạt động kỹ thuật an toàn chế biến khoáng sản, vật liệu nổ công nghiệp	Vĩnh viễn	
123.	Hồ sơ quản lý vật liệu nổ công nghiệp, chất lượng công trình xây dựng liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý	20 năm	
124.	Hồ sơ rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục vật liệu nổ công nghiệp, Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp	Vĩnh viễn	
125.	Hồ sơ chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác ứng phó sự cố, ứng cứu khẩn cấp, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	20 năm	
126.	Hồ sơ quản lý hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Vĩnh viễn	
127.	Hồ sơ quản lý chất lượng các công trình công nghiệp thuộc lĩnh vực Công Thương	Vĩnh viễn	
128.	Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu	20 năm	
129.	Hồ sơ xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu môi trường lĩnh vực Công Thương	20 năm	

	5. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực thương mại và thị trường trong nước		
130.	Hồ sơ tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về phát triển thương mại và thị trường trong nước	20 năm	
131.	Hồ sơ điều tiết phân phối, lưu thông hàng hóa		
	- Chủ trì	20 năm	
	- Phối hợp	10 năm	
132.	Hồ sơ quản lý và phát triển dịch vụ thương mại		
	- Chủ trì	20 năm	
	- Phối hợp	10 năm	
133.	Hồ sơ điều hành giá đối với một số mặt hàng		
	- Chủ trì	20 năm	
	- Phối hợp	10 năm	
134.	Hồ sơ quản lý mặt hàng trọng yếu của nền kinh tế quốc dân: Các mặt hàng do Bộ Công Thương quản lý (xăng dầu, rượu bia, thuốc lá, phân bón, sắt thép...)	Vĩnh viễn	
135.	Hồ sơ quản lý đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa	Vĩnh viễn	
136.	Hồ sơ về nhượng quyền thương mại	Vĩnh viễn	
	6. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực thị trường ngoài nước, hợp tác khu vực và song phương		
137.	Hồ sơ hợp tác với các nước khối ASEAN	Vĩnh viễn	
138.	Hồ sơ hợp tác với WB, ADB, JBIC	Vĩnh viễn	
139.	Hồ sơ niên liễm, đóng góp cho các hiệp hội, tổ chức quốc tế	Vĩnh viễn	
140.	Hồ sơ về hợp tác một trục-hai cánh, hai hành lang-một vành đai (Two Corridors, One Belt)	Vĩnh viễn	
141.	HS về Tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady-Chao Phraya-Me-công (ACMECS)	Vĩnh viễn	
142.	HS về hợp tác hành lang Đông-Tây (EWEC)	Vĩnh viễn	
143.	HS về Hợp tác hạ nguồn Mê Công-Mỹ (LMI)	Vĩnh viễn	

144.	HS về hợp tác Mê Công-Nhật Bản	Vĩnh viễn	
145.	HS về hợp tác Mê Công - Ấn Độ	Vĩnh viễn	
146.	HS về hợp tác Mê Công-Sông Hằng	Vĩnh viễn	
147.	HS về các hợp tác tiểu vùng khác (AMBDC, LMI, WEC...)	Vĩnh viễn	
148.	Hồ sơ tổ chức thực hiện các nội dung hợp tác song phương, hợp tác khu vực và tiểu vùng	20 năm	
149.	Hồ sơ đề xuất thành lập, theo dõi và triển khai hoạt động của các phân ban Việt Nam trong các Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp, tiểu ban hỗn hợp, Nhóm công tác chung, các diễn đàn về kinh tế, thương mại, công nghiệp, các cơ chế hợp tác khu vực và song phương giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp		
	- Chủ trì	Vĩnh viễn	
	- Phối hợp	10 năm	
150.	Hồ sơ nghiên cứu thị trường, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về công nghiệp, thương mại, thương nhân trong và ngoài nước phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phát triển thị trường ngoài nước	20 năm	
151.	Hồ sơ nghiên cứu thị trường, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về công nghiệp, thương mại, thương nhân trong và ngoài nước để phát hiện và tháo gỡ rào cản đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam	20 năm	
152.	Hồ sơ nghiên cứu thị trường, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về công nghiệp, thương mại, thương nhân trong và ngoài nước để triển khai hoạt động hướng dẫn tiếp cận thị trường và hoạt động kết nối doanh nghiệp nhằm phát triển thị trường ngoài nước	20 năm	
153.	Hồ sơ hướng dẫn hoạt động thương mại của thương nhân Việt Nam ở nước ngoài	20 năm	

154.	Hồ sơ đầu mối giúp Chính phủ trong việc tham gia giải quyết tranh chấp về áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương	20 năm	
155.	Hồ sơ đề xuất thành lập, theo dõi và triển khai hoạt động của các phân ban Việt Nam trong các Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp, tiểu ban hỗn hợp, Nhóm công tác chung, các diễn đàn về kinh tế, thương mại, công nghiệp, các cơ chế hợp tác khu vực và song phương giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp		
	- Chủ trì	Vĩnh viễn	
	- Phối hợp	10 năm	
156.	Hồ sơ nghiên cứu thị trường, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về công nghiệp, thương mại, thương nhân trong và ngoài nước phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phát triển thị trường ngoài nước	20 năm	
157.	Hồ sơ nghiên cứu thị trường, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về công nghiệp, thương mại, thương nhân trong và ngoài nước để phát hiện và tháo gỡ rào cản đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam	20 năm	
158.	Hồ sơ nghiên cứu thị trường, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về công nghiệp, thương mại, thương nhân trong và ngoài nước để triển khai hoạt động hướng dẫn tiếp cận thị trường và hoạt động kết nối doanh nghiệp nhằm phát triển thị trường ngoài nước	20 năm	
159.	Hồ sơ hướng dẫn hoạt động thương mại của thương nhân Việt Nam ở nước ngoài	20 năm	
160.	Hồ sơ tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động hiện diện thương mại và đầu tư kinh doanh của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại	20 năm	

161.	Hồ sơ tiếp nhận và tổ chức quản lý, điều phối các khoản ODA vào hỗ trợ kỹ thuật của nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại	70 năm	
162.	Hồ sơ thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công thương	20 năm	
163.	Hồ sơ đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới (WTO)		
	- Cửa Việt Nam	Vĩnh viễn	
	- Cửa các nước khác	30 năm	
164.	Hồ sơ các vấn đề chung sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)		
	- Các vấn đề quan trọng	30 năm	
	- Các vấn đề khác	10 năm	
165.	Hồ sơ về việc chuẩn bị, tổ chức, tham dự các hoạt động thường kỳ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)		
	- Các Phiên Rà soát Chính sách Thương mại (TPR) của Việt Nam	10 năm	
	- Các Phiên Rà soát Chính sách Thương mại (TPR) của các nước khác	5 năm	
	- Các Hội nghị cấp Bộ trưởng, các phiên họp cấp kỹ thuật	10 năm	
	- Các hoạt động khác	10 năm	
166.	Hồ sơ về việc đàm phán, tham gia các Hiệp định, sáng kiến, các cơ chế trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)		
	- Chủ trì đàm phán, tham gia	Vĩnh viễn	
	- Phối hợp đàm phán, tham gia	20 năm	
167.	Hồ sơ về theo dõi, thảo luận, thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		
	- Các vấn đề quan trọng	30 năm	
	- Các vấn đề khác	10 năm	

168.	Hồ sơ về nhiên cứu khả thi, đàm phán, ký kết, phê chuẩn, gia nhập các hiệp định thương mại tự do, các thỏa thuận kinh tế - thương mại và khuôn khổ khác có liên quan		
	- Cửa Việt Nam		
	+ Chủ trì	Vĩnh viễn	
	+ Phối hợp	30 năm	
	- Cửa các nước khác	30 năm	
169.	Hồ sơ về việc chuẩn bị, tổ chức, tham dự các phiên họp trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do, các thỏa thuận kinh tế - thương mại mà Việt Nam là thành viên	Vĩnh viễn	
	- Các phiên họp Hội đồng, Ủy ban, Nhóm công tác cấp Bộ trưởng và kỹ thuật	20 năm	
	- Các phiên họp khác	10 năm	
170.	Hồ sơ về các vấn đề chung trong hội nhập kinh tế quốc tế		
	- Các vấn đề quan trọng	30 năm	
	- Các vấn đề khác	10 năm	
171.	Hồ sơ đề xuất, xây dựng và phát triển Kế hoạch hành động của Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		
	- Chủ trì đề xuất, xây dựng và triển khai	30 năm	
	- Phối hợp đề xuất, xây dựng và triển khai	10 năm	
172.	Hồ sơ đề xuất, xây dựng và triển khai các Đề án, nhiệm vụ, chương trình của Bộ Công Thương để thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	30 năm	
173.	Hồ sơ về công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	30 năm	

174.	Hồ sơ về việc đề xuất, xây dựng và phát triển các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế		
	- Chủ trì đề xuất, xây dựng và triển khai	30 năm	
	- Phối hợp đề xuất, xây dựng và triển khai	10 năm	
175.	Hồ sơ xây dựng quan hệ đối tác với các công ty đa quốc gia	Vĩnh viễn	
7. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa			
176.	Hồ sơ về quản lý hoạt động các văn phòng, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam tại quy định của pháp luật	Vĩnh viễn	
177.	Hồ sơ tổ chức triển khai thực hiện chính sách, quy định quản lý về logistics	10 năm	
178.	Hồ sơ chính sách phi thuế quan	Vĩnh viễn	
179.	Hồ sơ về chính sách tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh, tạm xuất, tái nhập, miễn thuế	Vĩnh viễn	
180.	Hồ sơ ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế về trao đổi thông tin, dữ liệu của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa; cơ chế chứng nhận xuất xứ; xác minh xuất xứ hàng hoá	Vĩnh viễn	
181.	Hồ sơ về xuất khẩu, nhập khẩu thương mại biên giới, hoạt động ủy thác, ủy thác xuất khẩu, ủy thác nhập khẩu, đại lý mua bán, gia công	20 năm	
182.	Hồ sơ xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa	20 năm	
183.	Hồ sơ tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thương mại biên giới và phát triển thị trường ngoài nước	20 năm	
184.	Hồ sơ thực hiện Hiệp định hạn ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam đã ký với các nước và các tổ chức quốc tế	Vĩnh viễn	
185.	Hồ sơ các mặt hàng trong danh mục hàng xuất nhập khẩu có điều kiện	10 năm đánh giá lại	

186.	Hồ sơ tài liệu hàng xuất khẩu vào thị trường có hạn ngạch	10 năm đánh giá lại	
187.	Hồ sơ xuất nhập khẩu nhóm hàng nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ	10 năm	
188.	Hồ sơ đàm phán, báo cáo sau đàm phán về xuất xứ hàng hoá	Vĩnh viễn	
189.	Hồ sơ ký kết thoả thuận về trao đổi thông tin, dữ liệu, xác minh xuất xứ hàng hoá với nước ngoài	Vĩnh viễn	
190.	Hồ sơ hợp tác quốc tế về xuất xứ hàng hoá, xác minh và chống gian lận thương mại	20 năm	
8. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và kinh doanh theo phương thức đa cấp			
191.	Hồ sơ tham gia đàm phán các nội dung về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các điều ước quốc tế.		
	- Chủ trì	Vĩnh viễn	
	- Phối hợp	20 năm	
192.	Văn bản, tài liệu tham vấn về tập trung kinh tế	15 năm	
193.	Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế		
	- Hồ sơ các vụ việc thông báo tập trung kinh tế thẩm định sơ bộ	15 năm	
	- Hồ sơ các vụ việc thông báo tập trung kinh tế thẩm định chính thức	20 năm	
194.	Hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm	20 năm	
195.	Hồ sơ liên quan đến các vụ việc điều tra tiền tố tụng	20 năm	
196.	Hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh	20 năm	
197.	Hồ sơ giải quyết khiếu nại vụ việc cạnh tranh đối với các hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh	20 năm	

198.	Hồ sơ quản lý và theo dõi hoạt động của các hội, hiệp hội ngành nghề hoạt động trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao.	10 năm	
199.	Hồ sơ công tác thu hồi sản phẩm khuyết tật	20 năm	
200.	Hồ sơ giải quyết các vụ việc yêu cầu, phản ánh, tranh chấp của người tiêu dùng	20 năm	
201.	Hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	20 năm	
202.	Hồ sơ tham gia đàm phán các nội dung về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các điều ước quốc tế.		
	- Chủ trì	Vĩnh viễn	
	- Phối hợp	20 năm	
203.	Hồ sơ quản lý và theo dõi hoạt động của các hội, hiệp hội ngành nghề hoạt động trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao.	20 năm	
204.	Hồ sơ triển khai các đề án, chương trình bảo vệ người tiêu dùng	20 năm	
9. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực thương mại điện tử và kinh tế số			
205.	Hồ sơ tổ chức, kiểm tra, thẩm định, tổng kết thực hiện chính sách chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số ngành Công Thương	20 năm	
206.	Hồ sơ kiểm tra, thanh tra hoạt động thương mại điện tử	10 năm	
207.	Hồ sơ tiếp nhận và giải quyết thủ tục, đăng ký hoạt động thương mại điện tử	10 năm	
208.	Hồ sơ tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị về thương mại điện tử theo thẩm quyền	5 năm	
209.	Hồ sơ triển khai các đề án thuộc chương trình phát triển thương mại điện tử	20 năm	
210.	Hồ sơ xây dựng, các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương	20 năm	

211.	Hồ sơ xây dựng, vận hành ứng dụng thí điểm (sandbox) nền tảng số hỗ trợ trong phát triển kinh tế số, chuyển đổi số ngành Công Thương	20 năm	
212.	Hồ sơ ban hành khung pháp lý điều chỉnh mô hình kinh doanh mới trên nền tảng ứng dụng công nghệ số	20 năm	
213.	Hồ sơ thiết lập, vận hành hạ tầng công nghệ số hoạt động thương mại điện tử và kinh tế số ngành Công Thương	20 năm	
214.	Hồ sơ xây dựng, quản lý, đánh giá kiểm tra cơ sở dữ liệu ngành Công Thương	50 năm	
215.	Hồ sơ xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu Chính phủ điện tử, Chính phủ số ngành Công Thương	50 năm	
10. Hồ sơ, tài liệu quản lý lĩnh vực xúc tiến thương mại			
216.	Hồ sơ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm: chương trình Thương hiệu Quốc gia, chương trình ngành hàng Việt Nam	20 năm	
217.	Hồ sơ phê duyệt, phê duyệt bổ sung đề án thực hiện Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại	20 năm	
218.	Hồ sơ xét chọn sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia Việt Nam	20 năm	
219.	Hồ sơ tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài	20 năm	
220.	Hồ sơ tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	20 năm	